

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2021
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương Nga
2. Ông Phạm Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992

HKTT: Phố M, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Luân, sinh năm 1987.

HKTT: Phố M, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 36, phân trại số 2, Trại giam số 5, Cục C10- Bộ Công an; Huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh L kết hôn với nhau vào ngày 23/3/2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường

xuyên cãi vã lẫn nhau. Anh L không có trách nhiệm để vun vén hạnh phúc. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là thời điểm năm 2013, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ để ở. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Nguyễn Thanh L.

Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 21/7/2011. Nguyên vọng của chị H khi ly hôn giao cháu H cho anh L nuôi dưỡng vì cháu H vẫn ở với bố và ông bà nội từ trước đến nay. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/1tháng.

Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Thanh L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/3/2011 tại UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn một năm, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, hay cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Chị H đã bỏ chồng, bỏ con đi từ từ tháng 5 năm 2012, không quan tâm, đoái hoài đến con. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau, anh cũng không còn tình cảm với chị Hồng. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh L không đồng ý ly hôn vì giữa hai người còn nhiều khúc mắc chưa giải quyết được. Anh đề nghị Tòa án chờ 3 tháng nữa anh chấp hành xong bản án sẽ về giải quyết vì khi ở nhà chị H không ly hôn, nay anh đi trại thì chị Hồng mới xin ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 21/7/2011. Cháu H ở với anh từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Anh không có quan điểm gì về việc nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Anh L không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, cháu Nguyễn Nhật H có nguyện vọng được ở với ông bà nội vì từ khi bố mẹ ly thân cháu ở với bố và ông bà nội.

Toà án tiến hành thu thập chứng cứ, tại biên bản xác minh do địa phương cung cấp thể hiện: Chị H và anh L kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa. Sau khi kết hôn chị H và anh L sinh sống tại phường Đ, thành phố Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống, Anh L và chị H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm được. Hiện nay anh, chị đã sống ly thân, anh L đang đi chấp hành án phạt tù còn chị H đã về nhà mẹ đẻ ở. Việc chị H có đơn xin ly hôn, đề nghị Toà án căn cứ theo pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện nhưng, chị Hồng đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay anh L đang phải đi chấp hành án, không có điều kiện để nuôi con. Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ hai lần đối với bị đơn để tham gia phiên tòa nhưng anh L đang phải chấp hành án phạt tù nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là anh Nguyễn Thanh L có hộ khẩu thường trú tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt do đang chấp hành án phạt tù. Chị H đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án, nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt anh Luân là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh L kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi vã lẫn nhau. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống,

hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây cả chị H và anh L đều không còn tình cảm với nhau. Anh L không đồng ý ly hôn chị H không phải vì muốn vợ chồng đoàn tụ mà vì giữa hai người còn nhiều khúc mắc muốn nói chuyện với nhau. Anh L đề nghị Tòa án chờ anh chấp hành xong hình phạt tù về để gặp chị H nói chuyện trước khi ly hôn là không phù hợp vì anh, chị đã sống ly thân gần 10 năm, không quan tâm đến nhau, anh L cũng không có biện pháp để níu kéo tình cảm vợ chồng. Cả hai anh chị đều thừa nhận không còn tình cảm với nhau.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên chị H nên suy nghĩ kỹ trước khi quyết định việc ly hôn nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn anh L. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh L không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nếu buộc anh, chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không thể cải thiện được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn anh Nguyễn Thanh L.

[3] Về con chung: Chị H và anh L đều công nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 21/7/2011.

Nguyện vọng của chị H khi ly hôn giao cháu H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/1tháng. Còn anh L không có quan điểm gì về phần con chung. Tại phiên tòa chị H đề nghị Tòa án giao con cho chị vì anh L hiện nay đang phải chấp hành án. Do cháu Nhật H đang ở với ông bà nội từ nhỏ đến nay, để đảm bảo sinh hoạt của cháu, chị sẽ nhờ ông bà nội tiếp tục chăm sóc cháu còn chị sẽ có trách nhiệm của người nuôi dưỡng.

Xét thấy: Hiện nay anh L đang phải đi chấp hành án tại Trại giam nên không có điều kiện chăm sóc cháu H. Mặc dù cháu H từ nhỏ đã ở với bố và ông bà nội nhưng theo quy định của pháp luật thì cha mẹ có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Do đó việc giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho cháu H. Sau khi đi chấp hành án về, anh L có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản: Chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thanh L.
- Về con chung: Công nhận chị H và anh L 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 21/7/2011. Giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Thanh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nếu có yêu cầu.

- Về tài sản: Chị H và anh L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0012805 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát cấp cao;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA - TP H;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ .

Đã ký

Trương Thị Anh